








GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

MÔN: SINH THÁNG 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ																																								
Tên bài học/ chủ đề:	Bài 24: ĐA DẠNG VÀ VAI TRÒ CỦA LỚP GIÁP XÁC																																								
Khối lớp	Khối lớp 7																																								
<p><b>Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</b></p>	<p><b>I. Một số giáp xác khác</b>                      Quan sát hình và làm bài tập</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;">    </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center; margin-top: 10px;">     </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center; margin-top: 10px;"> <span>Mọt ẩm</span> <span>Con sun</span> <span>Rận nước</span> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center; margin-top: 10px;"> <span>Chân kiếm</span> <span>Cua đồng</span> <span>Cua nhện</span> <span>Tôm ở nhờ</span> </div> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 10px;"> <thead> <tr style="background-color: #d4edda;"> <th style="color: red;">Đặc điểm</th> <th style="color: red;">Kích thước</th> <th style="color: red;">Cơ quan di chuyển</th> <th style="color: red;">Lối sống</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="color: blue;">Đại diện</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="color: blue;">1-Mọt ẩm</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="color: blue;">2-Sun</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="color: blue;">3-Rận nước</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="color: blue;">4-Chân kiếm</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="color: blue;">5-Cua đồng</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="color: blue;">6-Cua nhện</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="color: blue;">7-Tôm ở nhờ</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="color: green;">Các từ gợi ý</td> <td style="color: green;">nhỏ; rất nhỏ; lớn; rất lớn</td> <td style="color: green;">chân; chân kiếm; chân bò; râu;</td> <td style="color: green;">tự do; kí sinh; cố định; ở cạn; hang hốc; ăn mình</td> </tr> </tbody> </table>	Đặc điểm	Kích thước	Cơ quan di chuyển	Lối sống	Đại diện				1-Mọt ẩm				2-Sun				3-Rận nước				4-Chân kiếm				5-Cua đồng				6-Cua nhện				7-Tôm ở nhờ				Các từ gợi ý	nhỏ; rất nhỏ; lớn; rất lớn	chân; chân kiếm; chân bò; râu;	tự do; kí sinh; cố định; ở cạn; hang hốc; ăn mình
Đặc điểm	Kích thước	Cơ quan di chuyển	Lối sống																																						
Đại diện																																									
1-Mọt ẩm																																									
2-Sun																																									
3-Rận nước																																									
4-Chân kiếm																																									
5-Cua đồng																																									
6-Cua nhện																																									
7-Tôm ở nhờ																																									
Các từ gợi ý	nhỏ; rất nhỏ; lớn; rất lớn	chân; chân kiếm; chân bò; râu;	tự do; kí sinh; cố định; ở cạn; hang hốc; ăn mình																																						

Lớp Giáp xác rất đa dạng:

- + Có số lượng loài lớn (khoảng 20 nghìn loài)
- + Có nhiều hình dạng, kích thước khác nhau
- + Sống ở các môi trường khác nhau (nước ngọt, nước mặn, nước lợ, ở cạn...)
- + Có lối sống, tập tính phong phú (tự do, kí sinh, cố định...)

## II. Vai trò thực tiễn



- Lợi ích:

- + Là nguồn cung cấp thực phẩm cho con người.
- + Là nguồn lợi xuất khẩu có giá trị
- + Là nguồn thức ăn của cá .

Tác hại:

- + Có hại cho giao thông đường thủy.
- + Có hại cho nghề cá
- + Là vật chủ trung gian truyền bệnh

**Giáp xác có vai trò rất quan trọng, là học sinh em nghĩ mình cần phải làm gì để bảo vệ chúng?**

**Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.**

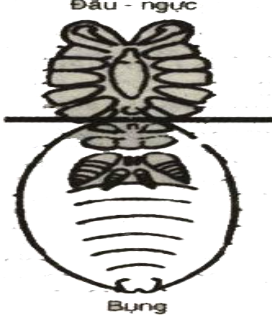
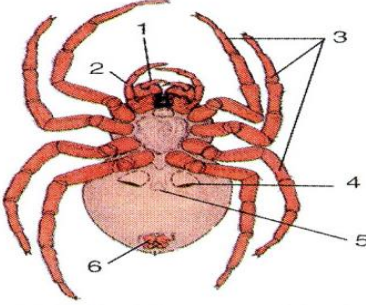

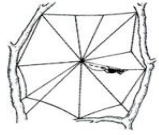

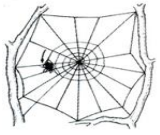
**Câu 1-** Trong các giáp xác sau thì loài nào sống trên cạn?

- A) Con sun
- B) Mọt ẩm
- C) Rận nước
- D) Cua nhện

**Câu 2-** Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống:

Hầu hết giáp xác đều ..... Chúng là nguồn..... của cá và là ..... quan trọng của con người, là loại thủy sản ..... hàng đầu của nước ta hiện nay.

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề:	<b>BÀI 25: NHỆN VÀ SỰ ĐA DẠNG CỦA LỚP HÌNH NHỆN</b>
Khối lớp	<b>Khối lớp 7</b>
<p><b>Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</b></p>	<p><b>I. Nhện.</b>  <b>1. Đặc điểm cấu tạo</b></p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;">   </div> <p>Cơ thể nhện chia làm mấy phần? Đó là những phần nào?</p> <p><b>Hãy xác định các bộ phận trên hai phần cơ thể của nhện qua hình vẽ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ thể nhện chia làm 2 phần: Đầu ngực và bụng</li> <li>- Phần đầu ngực gồm: Đôi kìm, đôi chân xúc giác và 4 đôi chân bò</li> <li>- Phần bụng gồm: khe thở, lỗ sinh dục và núm tuyến tơ</li> </ul> <p><b>2/ Tập tính</b></p> <p><b>a) Chăng lưới:</b>  <b>Em hãy quan sát hình và sắp xếp quá trình chăng lưới của nhện</b></p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;">     </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 5px;"> <span>A</span> <span>B</span> <span>C</span> <span>D</span> </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chờ mồi (thường ở trung tâm lưới) (A) <input type="checkbox"/></li> <li>- Chăng dây tơ phóng xạ (B) <input type="checkbox"/></li> <li>- Chăng dây tơ khung (C) <input type="checkbox"/></li> <li>- Chăng các sợi tơ vòng (D) <input type="checkbox"/></li> </ul> <p><b>b. Bắt mồi</b>  <b>Hãy sắp xếp đúng theo thứ tự quá trình bắt mồi của nhện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhện hút dịch lỏng ở con mồi</li> <li>- Nhện ngọam chặt mồi, chích nọc độc</li> <li>- Tiết dịch tiêu hoá vào cơ thể mồi</li> </ul>

- Trói chặt mỗi rồi treo vào lưới để một thời gian

## II/ Ý nghĩa thực tiễn

Các đại diện	Nơi sống	Hình thức sống		Ảnh hưởng đến con người	
		Kí sinh	Ăn thịt	Có lợi	Có hại
1. Nhện chăng lưới	Nhà, vườn				
2. Nhện nhà (con cái ôm kén trứng)	Nhà, khe tường				
3. Bộ cạp	Hang hốc				
4. Cái ghẻ	Da người				
5. Ve bò	Lông, da trâu bò				

- Lợi ích

+Làm thức ăn cho người và động vật

+Tiêu diệt sâu bọ phá hại mùa màng

- Tác hại

+Có hại cho người và động vật

### Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

**Câu 1:** Tìm từ, cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống:

Cơ thể nhện chia thành.....phần.

Nhện có tất cả.....đôi phần phụ, trong đó có 4 đôi .....

**Câu 2:** Bộ phận nào sau đây của nhện không nằm ở phần bụng:

A. Đôi khe thở

B. Lỗ sinh dục

C. Núm tuyến tơ

D. Chân xúc giác

**Câu 3:** Bộ phận có chức năng bắt mồi và tự vệ là:

A. Đôi chân xúc giác

B. Đôi kìm

C. Chân bò

D. Núm tuyến tơ

**Câu 4:** Đại diện lớp Hình nhện có đặc điểm

về nơi sống: sống nơi khô ráo, hang hốc, kín

đáo và lối sống tự do, hoạt động về đêm là:

A. Ve bò.

B. Nhện.

C. Bộ cạp.

D. Cái ghẻ.

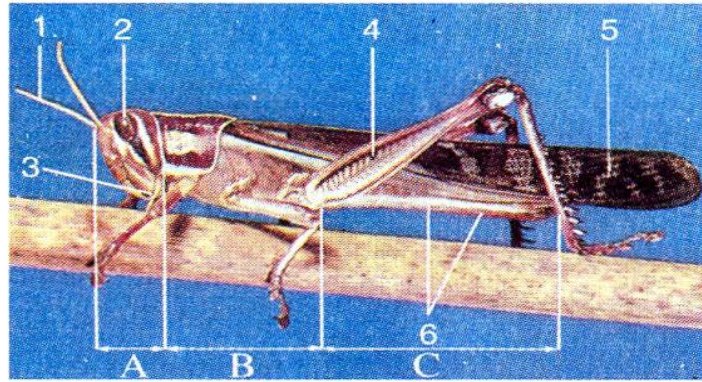
## PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề:	BÀI 26: CHÂU CHÁU
Khối lớp	Khối lớp 7
Hoạt động 1: Học	I. Cấu tạo ngoài và di chuyển

sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.

## 1. Cấu tạo ngoài

Quan sát hình cho biết cơ thể châu chấu được chia làm mấy phần



Hình 26.1. Cấu tạo ngoài của châu chấu

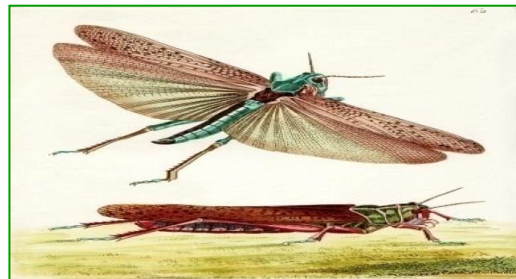
- Cơ thể châu chấu được chia làm 3 phần:

+ Đầu: Mắt kép, Râu, cơ quan miệng

+ Ngực: 2 đôi cánh, 3 đôi chân,

+ Bụng: Lỗ thở

## 2. Di chuyển



Châu chấu di chuyển bằng những hình thức nào?

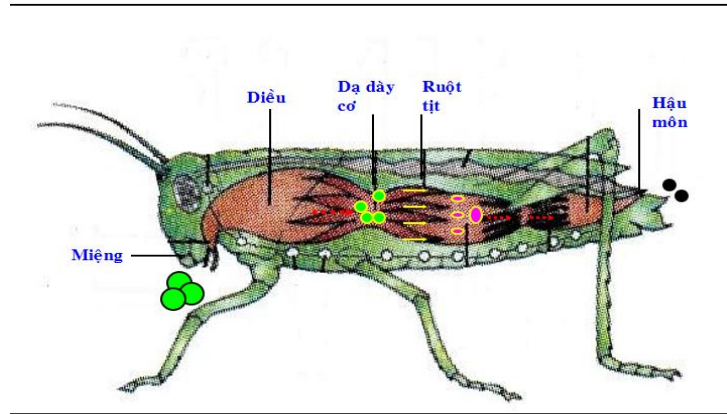
Châu chấu có 3 cách di chuyển: Bò, nhảy và bay

## II. Dinh dưỡng

Thức ăn của châu chấu là gì?



Quá trình tiêu hóa thức ăn diễn ra như thế nào?



Thức ăn là chồi và lá cây:

- Thức ăn chứa ở điều, dạ dày cơ ( Nghiền nhỏ), Ruột tịt (Tiết enzym tiêu hóa), hậu môn (thải bã)
- Hô hấp qua lỗ thở ở mặt bụng

### III. Sinh sản và phát triển



Phân tính

Trứng

Nêu đặc điểm sinh sản của châu chấu

### CÁC GIAI ĐOẠN SINH SẢN VÀ BIẾN THÁI CỦA CHÂU CHẤU





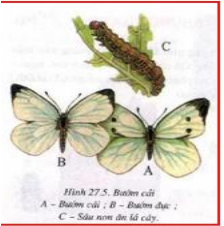





☑- Châu chấu phân tính.

- Trứng đẻ dưới đất thành ổ.

	- Phát triển qua biến thái và lột xác nhiều lần
<b>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</b>	<p><b>Câu 1:</b> Hãy nêu các đặc điểm giúp nhận dạng sâu bọ với chân khớp khác ?</p> <p><b>Câu 2:</b> Tìm cụm từ phù hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu sau:          Cơ thể châu chấu:..... đầu, ngực và bụng. Đầu có..... ngực có..... và..... Châu chấu hô hấp bằng....., hệ thần kinh có..... và..... Chúng ăn thực vật,..... nên rất có hại. Châu chấu..... trong đất.</p>

### PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>Tên bài học/ chủ đề:</b>	<b>Bài 27:ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA LỚP SÂU BỌ</b>
<b>Khối lớp</b>	<b>Khối lớp 7</b>
<b>Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</b>	<p><b>I. Một số đại diện sâu bọ khác</b></p> <p><b>1. Sự đa dạng về loài, lối sống và tập tính:</b></p> <div style="display: flex; flex-wrap: wrap; justify-content: space-around;"> <div style="width: 25%; text-align: center;">  <p><b>Hình 27.1.</b> Một hạt gỗ (biến thái hoàn toàn) 1. Một trưởng thành ; 2. Giai đoạn ấu trùng ; 3. Giai đoạn nhộng ; 4. Đồ gỗ bị một đục trủng.</p> </div> <div style="width: 25%; text-align: center;">  <p><b>Hình 27.2.</b> Bọ ngựa bắt mồi</p> </div> <div style="width: 25%; text-align: center;">  <p><b>Hình 27.3.</b> Biến thái không hoàn toàn của châu chấu A - Giai đoạn ấu trùng (ở dưới nước) ; B - Trưởng thành.</p> </div> <div style="width: 25%; text-align: center;">  <p><b>Hình 27.4</b> Ve sâu Ve vừa hút nhựa cây vừa kêu vào mùa hạ. Ấu trùng ở đất, ăn rễ cây</p> </div> <div style="width: 25%; text-align: center;">  <p><b>Hình 27.5.</b> Bướm cải A - Bướm cải ; B - Bướm đục ; C - Sâu non ăn lá cây.</p> </div> <div style="width: 25%; text-align: center;">  <p><b>Hình 27.6.</b> Ong mật đang thụ phấn</p> </div> <div style="width: 25%; text-align: center;">  <p><b>Muỗi</b></p> </div> <div style="width: 25%; text-align: center;">  <p><b>Ruồi</b></p> </div> </div> <p><b>Em hãy nhận xét về số loài, lối sống và tập tính của lớp sâu bọ?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sâu bọ rất đa dạng về số lượng loài.</li> <li>- Chúng có lối sống và tập tính phong phú thích nghi với điều kiện sống</li> </ul> <p><b>2. Nhận biết một số đại diện và môi trường sống</b></p> <p><b>Hãy hoàn thành bảng sau</b></p>

TT	Các môi trường sống		Một số sâu bọ đại diện
1	Ở nước	Trên mặt nước	
		Trong nước	
2	Ở cạn	Dưới đất	
		Trên mặt đất	
		Trên cây	
		Trên không	
3	Kí sinh	Ở cây	
		Ở động vật	
4	Các đại diện để lựa chọn		Bọ ngựa, dế mèn, dế trũi, bướm, ong, ấu trùng ve sầu, bọ hung, ấu trùng chuồn chuồn, bọ gậy, bọ vẽ, bọ rầy, chấy, rận.....

Sâu bọ đa dạng về môi trường sống.

## II. Đặc điểm chung và vai trò thực tiễn

### 1. Đặc điểm chung

- Cơ thể sâu bọ có ba phần : đầu , ngực , bụng
- Phần đầu có 1 đôi râu, phần ngực có 3 đôi chân và 2 đôi cánh.
- Sâu bọ hô hấp bằng hệ thống ống khí

### 2. Vai trò thực tiễn:

Hoàn thành bảng sau

S T T	Các đại diện Vai trò	Ong mật	Tằm	Ruồi	Muỗi	Ong mắt đỏ	Mọt gạo			
								.....	.....	.....
1	Làm thuốc chữa bệnh									
2	Làm thực phẩm									
3	Thụ phấn cây trồng									
4	Thức ăn cho động vật khác									
5	Diệt các sâu hại									
6	Hại hạt ngũ cốc									
7	Truyền bệnh									

Có lợi:

- Làm thuốc chữa bệnh
- Làm thực phẩm
- Thụ phấn cây trồng
- Làm thức ăn cho động vật khác
- Diệt các sâu hại

Có hại:

- Gây hại đồ gỗ, hại cây trồng
- Truyền bệnh

**Hoạt động 2: Kiểm**

**Câu 1:** Chọn từ, cụm từ thích hợp trong các từ sau: Có 3 đôi , đặc điểm

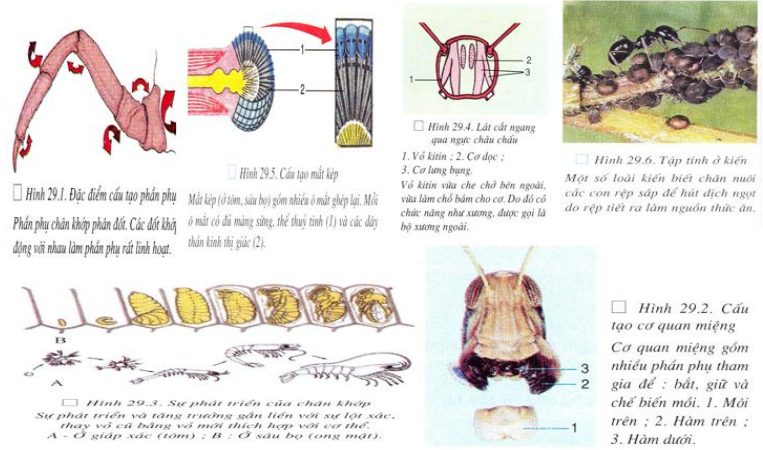
<i>tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	<p>chung, đôi cánh, môi trường..vào chỗ trống trong câu sau:          Sâu bọ phân bố rộng khắp các .....sống trên hành tinh. Sâu bọ có các .....như: Cơ thể có 3 phần riêng biệt, đầu có 1 đôi râu, ngực .....chân và 2....., hô hấp bằng ống khí.  <b>Câu 2:</b>Hãy khoanh tròn vào đầu các chữ cái A. B. C. D trước phương án đúng          1. Số loài sâu bọ được phát hiện là:          A. 20.000 .          B. 100.000          C. 500.000          D. Khoảng gần một triệu.  <b>Câu 3.</b> Sâu bọ hô hấp bằng :          A. Phổi .            B. Ống khí            C. Mang            D. Da</p>
--	--

### PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề:	<b>Bài 28 THỰC HÀNH XEM BẢNG HÌNH VỀ TẬP TÍNH CỦA SÂU BỌ</b>
Khối lớp	<b>Khối lớp 7</b>
<b>Hoạt động 1:</b> <i>Học sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	
<b>Hoạt động 2:</b> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	

### PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề:	<b>Bài 29: ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ CỦA NGÀNH CHÂN KHỚP</b>
Khối lớp	<b>Khối lớp 7</b>
<b>Hoạt động 1:</b> <i>Học sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<b>I. Đặc điểm chung</b>



Có bộ xương ngoài bằng kitin giúp nâng đỡ và bảo vệ cơ thể  
Các chân phân đốt khớp động

Qua lột xác mà tăng trưởng

## II. Đa dạng ở chân khớp

Em hãy hoàn thành bảng sau

**Bảng 1. Đa dạng về cấu tạo và môi trường sống của chân khớp**

T	Tên đại Diện	Môi trường sống			Các phần cơ thể	Râu		Chân ngực (số đôi)	Cánh	
		Nước	Nơi ẩm	Ở Cận		Số Lượng	Không		Không có	Có
1	Giáp Xác (tôm sông)									
2	Hình nhện (Nhện)									
3	Sâu bọ (Châu chấu)									

**Bảng 2. Đa dạng về tập tính**

TT	Các tập tính	Tôm	Tôm ở nhờ	Nhện	Ve sầu	Kiến	Ong mật
1	Tự vệ tấn công						
2	Dự trữ thức ăn						
3	Chăng lưới bẫy mồi						
4	Cộng sinh để tồn tại						
5	Sống thành xã hội						
6	Chăn nuôi ĐV khác						
7	Đực, cái nhận biết nhau bằng tín hiệu						
8	Chăm sóc thế hệ sau						

Chân khớp rất đa dạng về môi trường sống, lối sống và tập tính

## III. Vai trò thực tiễn

Bảng 3. Vai trò của ngành chân khớp

TT	Lớp động vật			
1	Lớp giáp xác			
2	Lớp hình nhện			
3	Lớp sâu bọ			

- Lợi ích
- + Làm thức ăn cho người và động vật
- + Thụ phấn cho cây
- + Có giá trị xuất khẩu
- + Tiêu diệt sâu hại
- Tác hại
- + Truyền bệnh
- + Phá hại cây trồng

**Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.**

- Câu 1.** Trong số các đặc điểm của Chân khớp thì các đặc điểm nào ảnh hưởng đến sự phân bố rộng rãi của chúng?
- Câu 2.** Đặc điểm cấu tạo nào khiến Chân khớp đa dạng về tập tính và môi trường sống?
- Câu 3.** Trong số ba lớp của Chân khớp (Giáp xác Hình nhện, Sâu bọ) thì lớp nào có giá trị thực phẩm lớn nhất, lấy ví dụ?

### PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề:	<b>Bài 31: CÁ CHÉP</b>
Khối lớp	<b>Khối lớp 7</b>
<b>Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</b>	<b>I. Đời sống:</b>

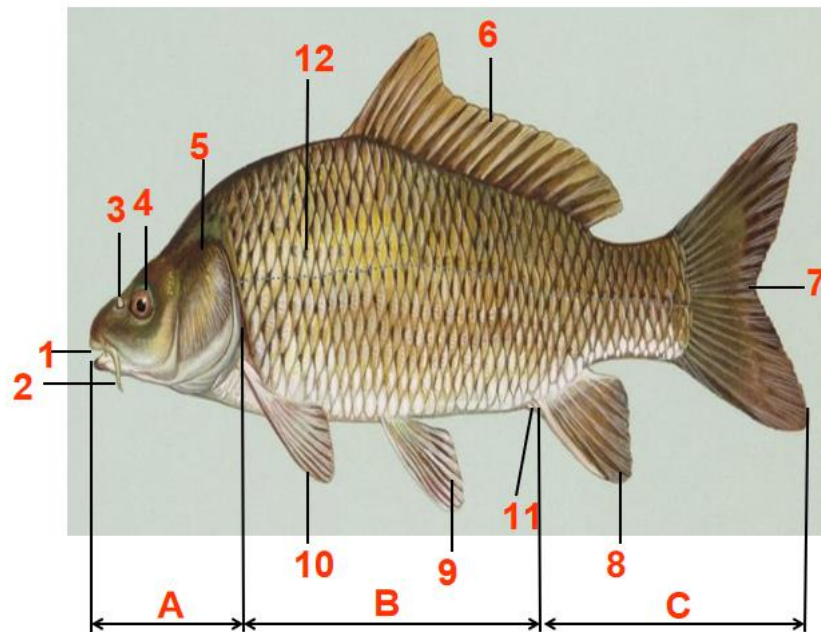


- Cá chép sống ở đâu? Ăn thức ăn gì?
- Tại sao nói cá chép là động vật biến nhiệt?
- Vì sao cá chép đẻ trứng với số lượng lớn, nó có ý nghĩa gì ?
- Đời sống:
  - + Ưa vực nước lợ.
  - + Ăn tạp (ăn động vật và thực vật)
  - + Là động vật biến nhiệt.
- Sinh sản:
  - + Thụ tinh ngoài, đẻ trứng.
  - + Trứng thụ tinh phát triển thành phôi.

## II. Cấu tạo ngoài:

### 1. Cấu tạo ngoài:

Hãy chú thích các bộ phận trên cơ thể cá chép



Thân cá chép thon dài, đầu thuôn nhọn gắn chặt với thân.  
 Mắt cá không có mi, màng mắt tiếp xúc với môi trường nước.  
 Vảy cá có da bao bọc; trong da có nhiều tuyến tiết chất nhầy.  
 Sự sắp xếp vảy cá trên thân khớp với nhau như ngói lợp.  
 Vảy cá có các tia vây được căng bởi da mỏng, khớp động với thân.







### 2. Chức năng của vây cá

Đọc thông tin ở trang 103 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

- Vây cá có chức năng gì ?

	<p>- <b>Nêu vai trò của từng loại vây cá ?(Vây đuôi; đôi vây ngực và đôi vây bụng, ;vây lưng và vây hậu môn.)</b></p> <p>- Vây cá có vai trò như bơi chèo giúp cá di chuyển, bơi lặn trong nước.</p> <p>-Vây ngực, vây bụng: Rẽ (phải, trái, lên, xuống), giữ thăng bằng.</p> <p>- Vây lưng, vây hậu môn: Giữ thăng bằng theo chiều dọc.</p> <p>- Khúc đuôi và vây đuôi: Có chức năng chính trong sự di chuyển.</p>
<b>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Cá chép sống trong môi trường? <ol style="list-style-type: none"> <li>Nước mặn</li> <li>Nước ngọt</li> </ol> </li> <li>Thức ăn của cá chép là? <ol style="list-style-type: none"> <li>Ăn thực vật.</li> <li>Ăn động vật.</li> <li>Ăn tạp.</li> </ol> </li> <li>Cá chép là động vật? <ol style="list-style-type: none"> <li>Đẳng nhiệt.</li> <li>Biến nhiệt.</li> </ol> </li> <li>Sự thụ tinh của cá chép? <ol style="list-style-type: none"> <li>Thụ tinh trong</li> <li>Thụ tinh ngoài</li> </ol> </li> <li>Số lượng trứng đẻ ra? <ol style="list-style-type: none"> <li>Rất nhiều.</li> <li>Rất ít</li> </ol> </li> <li>Trứng được thụ tinh phát triển thành? <ol style="list-style-type: none"> <li>Phôi</li> <li>Con</li> </ol> </li> </ol>

### PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ												
<b>Tên bài học/ chủ đề:</b>	<b>Bài 34: ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA CÁC LỚP CÁ</b>												
<b>Khối lớp</b>	<b>Khối lớp 7</b>												
<b>Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</b>	<p><b>I. Đa dạng về thành phần loài và môi trường sống</b></p> <p>Cá có số lượng loài lớn: 25415 loài, số lượng loài lớn nhất so với các lớp khác trong ngành Động vật có xương sống</p> <p><b>Lựa chọn thông tin phù hợp với từng lớp cá hoàn thành bảng sau</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 15%;">Tên lớp cá</th> <th style="width: 15%;">Các đại diện</th> <th style="width: 15%;">Môi trường sống</th> <th style="width: 15%;">Đặc điểm để phân biệt</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center; vertical-align: top;"> <b>Cá sụn</b>  <b>1. 850 loài</b>   </td> <td></td> <td></td> <td style="background-color: #e0f2f1;">           1. Số loài: 850 loài            2. Số loài: 24565 loài            3. Đại diện: Cá chép, cá vền, cá rô            4. Đại diện: Cá nhám, cá đuối            5. Môi trường: Nước mặn và nước lợ            6. Môi trường: Nước mặn, nước ngọt, nước lợ            7. Bộ xương bằng chất xương, xương nắp mang che các khe mang, da phủ vây xương có chất nhầy, miệng nằm ở đầu mõm            8. Bộ xương bằng chất sụn, khe mang trần, da nhám, miệng nằm ở mặt bụng.         </td> </tr> <tr> <td style="text-align: center; vertical-align: top;"> <b>Cá xương</b>  <b>2. 24565 loài</b>   </td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Tên lớp cá	Các đại diện	Môi trường sống	Đặc điểm để phân biệt	<b>Cá sụn</b> <b>1. 850 loài</b> 			1. Số loài: 850 loài 2. Số loài: 24565 loài 3. Đại diện: Cá chép, cá vền, cá rô 4. Đại diện: Cá nhám, cá đuối 5. Môi trường: Nước mặn và nước lợ 6. Môi trường: Nước mặn, nước ngọt, nước lợ 7. Bộ xương bằng chất xương, xương nắp mang che các khe mang, da phủ vây xương có chất nhầy, miệng nằm ở đầu mõm 8. Bộ xương bằng chất sụn, khe mang trần, da nhám, miệng nằm ở mặt bụng.	<b>Cá xương</b> <b>2. 24565 loài</b> 			
Tên lớp cá	Các đại diện	Môi trường sống	Đặc điểm để phân biệt										
<b>Cá sụn</b> <b>1. 850 loài</b> 			1. Số loài: 850 loài 2. Số loài: 24565 loài 3. Đại diện: Cá chép, cá vền, cá rô 4. Đại diện: Cá nhám, cá đuối 5. Môi trường: Nước mặn và nước lợ 6. Môi trường: Nước mặn, nước ngọt, nước lợ 7. Bộ xương bằng chất xương, xương nắp mang che các khe mang, da phủ vây xương có chất nhầy, miệng nằm ở đầu mõm 8. Bộ xương bằng chất sụn, khe mang trần, da nhám, miệng nằm ở mặt bụng.										
<b>Cá xương</b> <b>2. 24565 loài</b> 													

hãy sắp xếp những loài cá sau thành hai lớp



Cá mập



Cá đuôi gai



Cá mú đỏ



Cá trích



Cá chép



Cá đuối



Lươn



Cá nhám



Cá rô

Quan sát hình, nghiên cứu thông tin điền nội dung phù hợp vào ô trống của bảng.

Đặc điểm môi trường	Đại diện	Hình dạng thân	Đặc điểm khúc đuôi	Đặc điểm vây chẵn	Khả năng di chuyển
Tầng mặt, thiếu nơi ẩn náu					
Tầng giữa và tầng đáy, nơi ẩn náu thường nhiều					
Trong những hốc bùn đất ở đáy					
Trên mặt đáy biển					

Cá có số lượng loài lớn: 25415 loài (850 loài cá sụn, 24565 loài cá xương)

- Lớp cá sụn: Bộ xương bằng chất sụn
- Lớp cá xương: Bộ xương bằng chất xương.

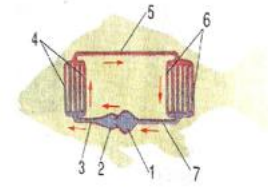
Môi trường sống đa dạng: Nước ngọt, nước lợ, nước mặn.

- Ở các tầng nước khác nhau, điều kiện sống khác nhau nên cấu tạo và tập tính của cá rất khác nhau.

## II. Đặc điểm chung của lớp cá:

Dựa vào kiến thức đã học hoàn thành nội dung bảng kiến thức.

Đặc điểm môi trường sống		
Cơ quan di chuyển		
Cơ quan hô hấp		
Hệ tuần hoàn	Tim (số ngăn)	
	Máu trong tim	
	Máu nuôi cơ thể	
	Số vòng tuần hoàn	
Đặc điểm sinh sản		
Nhiệt độ cơ thể		



- Là động vật có xương sống thích nghi với đời sống hoàn toàn ở nước.
- Bơi bằng vây, hô hấp bằng mang
- Có 1 vòng tuần hoàn, tim 2 ngăn chứa máu đỏ thẫm, máu đi nuôi cơ thể màu đỏ tươi
- Thụ tinh ngoài, đẻ trứng
- Là động vật biến nhiệt

### III. Vai trò của cá :



+ Có giá trị xuất khẩu: Cá tra, cá ba sa...



- Nguyên liệu chế thuốc
- chữa bệnh VD: Dầu gan cá thu, cá nhám chứa nhiều vitamin A,D điều trị một số bệnh như khô mắt, bệnh còi xương...



Làm thực phẩm cho con người.



+ Có giá trị làm cảnh



Đấu tranh tiêu diệt sâu bọ có hại.



Cung cấp nguyên liệu dùng trong công nghiệp

- Lợi ích:

+ Cung cấp thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao.

+ Có giá trị dược liệu.

+ Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, nông nghiệp, chế biến thực phẩm..

	<p>+ Có giá trị làm cảnh:          + Có giá trị xuất khẩu.          + Tiêu diệt động vật bọ gậy và sâu bọ có hại.          - Tác hại:          + Một số loài gây độc cho con người.</p>
<b>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</b>	<p><b>Câu 1.</b> Loài cá nào dưới đây thích nghi đời sống chui lủn?          A. Cá rô phi          B. Lươn, cá nóc          C. Lươn, cá mè          D. Cá chạch, lươn</p> <p><b>Câu 2.</b> Đặc điểm để phân biệt lớp cá sụn và lớp cá xương:          A. Vị trí của miệng          B. Đặc điểm của mang          C. Đặc điểm bộ xương          D. Cả A, B, C</p>

**Mọi thắc mắc về kiến thức bài học, học sinh liên hệ:**

- Cô: Nguyễn Thị Ngọc Giàu
- Điện thoại: 0773885266 (Có zalo)
- Thời gian: thứ 5 từ 8 giờ đến 16 giờ